TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **128**/2018/DS-ST
Ngày: 31- 7- 2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2018/TLST-DS ngày 03/4/2018 về tranh chấp"*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1554/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị L, sinh năm 1982. (có mặt)
Nơi cư trú: Số 77/1, ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Trần Thị N, sinh năm 1972. (có mặt)
Võ Văn U, sinh năm 1973. (vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: Số nhà 156/2, ấp AĐ, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/4/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 25/6/2017 chị và bà Trần Thị N có tổng cộng các dây hụi đã mãn thì bà N còn nợ chị số tiền vốn hụi là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tự nguyện trả lãi là 14.000.000 đồng (số tiền lãi trước khi ghi biên nhận), hai bên có làm biên nhận nợ phần vốn và lãi, bà N có ký tên xác nhận nợ với chị số tiền này, bà N hứa 01 tháng sẽ trả toàn bộ số tiền này nhưng sau đó bà N trả dần được số vốn là 7.200.000 (Bảy triệu, hai trăm nghìn) đồng, số còn lại đến nay không trả.

Số tiền chơi hụi bà N sử dụng vào mục đích chung cho gia đình và ông Võ Văn U (chồng bà N) cũng biết việc này nên chị yêu cầu ông U có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả cho chị số tiền này.

Do bà N, ông U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị yêu cầu trả nợ gốc là 392.800.000 đồng và trả lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 25/7/2017 cho đến ngày 25/7/2018 là 12 tháng với số tiền 35.352.000 đồng.

Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Trần Thị N, ông Võ Văn U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền gốc và lãi là 428.152.000 (Bốn trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Chứng cứ chị cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của chị là 01 Bản chính biên nhận nợ có chữ ký của bà Trần Thị N. Ngoài ra chị không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà thừa nhận còn nợ chị Lê Thị L số tiền vốn hụi là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ ngày ngày 25/6/2017, bà có ký tên vào biên nhận nợ này. Bà đã trả được cho chị L số tiền gốc là 7.200.000 (Bảy triệu, hai trăm nghìn) đồng, nên còn nợ lại 392.800.000 đồng và xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn biên nhận nợ ngày 25/6/2017 với số tiền 14.000.000 đồng là thỏa thuận tiền lãi đã có trước khi ghi biên nhận nợ, bà có ký tên vào biên nhận nhưng bà đã xin chị L không trả số tiền này. Số tiền lãi chị L yêu cầu tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 25/7/2018 với mức lãi 0,75%/tháng là hợp lý nhưng bà xin không trả. Bà thừa nhận số tiền chơi hụi với chị L bà sử dụng vào mục đích chung của gia đình như nuôi con đi ăn học, chi tiêu trong gia đình.

Bà và ông Võ Văn U (chồng tôi) vẫn còn là vợ chồng, còn sống hạnh phúc chung trong gia đình, bà có nói cho ông U biết là bà thiếu nợ hụi của chị L, bà dự định đi thành phố Hồ Chí Minh làm kiếm tiền trả cho chị L nhưng con của bà khuyên bà ở lại nhà chăm sóc lo cho gia đình và ông U có nói rằng nếu có nuôi tôm trúng thì ông U phụ tiền với bà để trả nợ cho chị L.

Bị đơn ông Võ Văn U vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Lê Thị L tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn Trần Thị N theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn U đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông U là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn Lê Thị L với bị đơn bà Trần Thị N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép

buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Trần Thị N đã thừa nhận bà N, ông Võ Văn U còn nợ của chị Lê Thị L số tiền gốc 392.800.000 (Ba trăm chín mươi hai triệu, tám trăm nghìn) đồng. Còn đối với khoản nợ lãi chị L yêu cầu bà N và ông U phải trả cho chị L số tiền là 35.352.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn) đồng thì bà N xin không trả nhưng không được chị L đồng ý.

Do bà N, ông U đã vi phạm thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là 392.800.000 đồng nên chị L yêu cầu tính lãi suất chậm trả với số tiền là 35.352.000 đồng (tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 25/7/2018 là 12 tháng, với mức lãi 0,75%/tháng) là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần lãi suất phát sinh từ ngày 26/7/2018 đến ngày xét xử chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do bà N, ông U sử dụng tiền vay vào mục đích chung cho gia đình) nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Trần Thị N và ông Võ Văn U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền tổng cộng là 428.152.000 (Bốn trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

[5] Xét việc bà N yêu cầu trả dần vào hàng tháng số tiền nợ cho chị L là không có cơ sở chấp nhận, do lúc hai bên giao kết không có thỏa thuận cách thức trả dần và tại phiên tòa hôm nay chị L không đồng ý cho bà N, ông U trả dần.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị L được Tòa án chấp nhận nên bà Trần Thị N và ông Võ Văn U phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí bà N, ông U phải liên đới nộp (20.000.000 đồng + (28.152.000đồng x 5%)) là: 21.407.600 (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc bà Trần Thị N và ông Võ Văn U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 428.152.000 (Bốn trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị N và ông Võ Văn U có nghĩa vụ liên đới nộp: 21.407.600 (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.379.580 (Mười một triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu số 0016183, ngày 03 tháng 4 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ -THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Miêng – Nguyễn Thị Mỹ Duyên Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Triết